

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KIẾN XƯƠNG  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 13 - 6 - 2022  
V/v: ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Xuân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đỗ Thị Hiên
2. Bà Đoàn Thị Duyên

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Khánh Ly- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2022/TLST- HNGĐ ngày 30/3/2022 về “ ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXX - ST ngày 10/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2022/QĐST- HPT ngày 27/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị N, sinh năm 1973,

- Bị đơn: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1969,

Đều ở địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* *Tại đơn khởi kiện và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Đặng Thị N trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 16/9/1993 tại UBND xã Quang Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc anh do T thường xuyên uống rượu và đánh chửi chị N. Đến tháng 12/2021, chị N thuê nhà ở riêng không chung sống

cùng anh T nữa, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị N nhận thấy không thể tiếp tục chung sống cùng anh T nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đặng Thị N1 sinh ngày 12/12/1994 và Đặng Văn Đ sinh ngày 15/10/ 2001 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết..

- Về quan hệ tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Đặng Văn T không đến Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai của anh T.

*\* Kết quả xác minh tại UBND xã Quang Trung thể hiện:* Chị N và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Trung. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T uống rượu rồi đánh chửi chị N, chị N đã thuê nhà nơi khác sinh sống, anh T sống một mình tại thôn Trà Đoài, xã Quang Trung huyện Kiến Xương tỉnh Thái Bình. Anh T hiện nay đi làm thợ xây vẫn thường xuyên về nhà. Vợ chồng chị N, anh T có 02 con chung đều đã trưởng thành, vợ chồng không vay nợ của các tổ chức đoàn thể ở địa phương. Nay chị N xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T đến làm việc nhưng anh T đều vắng mặt không lý do vì vậy Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án; Giấy báo; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận cho chị N được ly hôn anh T.

Về quan hệ con chung: Các con chung đều đã trưởng thành nên không giải quyết..

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thảo luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, bị đơn là anh T có đăng ký hộ khẩu tại thôn Trà Đoài, xã Quang Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, hiện vẫn có mặt tại địa phương nhưng vắng mặt không lý do. Tòa án đã gửi và niêm yết Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 328 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ để làm rõ tình trạng hôn nhân và tài sản chung vợ chồng, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị N kết hôn với anh T trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và đã ly thân từ nhiều năm nay. Tòa án đã nhiều lần thông báo để anh T trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị N và hòa giải nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ đời sống chung của vợ chồng thực tế không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị N, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, xử cho chị N được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đặng Thị Nguyệt sinh năm 1994 và Đặng Văn Đức sinh năm 2001 đều đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không ghi được lời khai của anh T nên chưa có cơ sở xem xét, vì vậy Tòa án không giải quyết về quan hệ tài sản chung.

[7] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Đặng Thị N được ly hôn anh Đặng Văn T.

2. *Về quan hệ con chung*: Không giải quyết.

3. *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Không giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Đặng Thị N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0001589 ngày 30/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Chị Đặng Thị N đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị N, anh T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Kiến Xương;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- THA huyện Kiến Xương;
- UBND xã Quang Trung;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thanh Xuân**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Thanh Xuân**



**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Lê Thị Thanh Xuân**



